

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS CẢNG ĐÀ NẴNG



**DỰ THẢO
QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
CẢNG ĐÀ NẴNG**

*Quyết định số.....ngày
của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng*

THÁNG 04-2018

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS CẢNG ĐÀ NẴNG

(Ban hành theo Nghị quyết số.....ngày.....
của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng là những cơ chế, quy định thông qua đó Công ty được điều hành và kiểm soát một cách tốt nhất. Quy chế quản trị nội bộ Công ty tạo lập một khuôn khổ cho các mối quan hệ giữa các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan khác của Công ty. Đồng thời, các nguyên tắc quản trị Công ty đặt ra các quy trình, thủ tục ban hành các quyết định trong Công ty, qua đó ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực và chức vụ, giảm thiểu những rủi ro không cần thiết cho Công ty. **Mục tiêu lớn nhất của Quy chế Quản trị Công ty là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.**

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

- a. “Công ty” là Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng;
- b. “Cán bộ quản lý” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm;
- c. “Quản trị Công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:
 - i. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - ii. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
 - iii. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - iv. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
 - v. Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
 - vi. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
- d. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
 - i. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - ii. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;

- iii. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - iv. Người quản lý doanh nghiệp;
 - v. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - vi. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm i; ii; iii; iv; v khoản này;
 - vii. Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm i; ii; iii; iv; v; vi và viii khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
 - viii. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thôn tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.
- e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- f. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
- i. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - ii. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - iii. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - iv. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - v. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
- g. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

- 3.1 Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

- a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;
 - d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.
- 3.2 Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Điều 4. Điều lệ Công ty

- 4.1 Công ty phải xây dựng Điều lệ Công ty phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
- 4.2 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông

- 5.1 Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 5.2 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng nhất của Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 5.3 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- 6.1 Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Đại hội cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

6.2 Họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 7. Thủ tục và trình tự tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường

7.1 Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị họp và công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Thông báo thực hiện quyền được lập theo mẫu quy định gửi đến Trung tâm lưu ký chứng khoán tối thiểu bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, được đăng trên website của Công ty, gửi công bố thông tin về Thông báo thực hiện quyền cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu.

Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.

7.2 Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Căn cứ vào danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách, Công ty gửi Thông báo họp cho tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt. Thông báo họp bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm và các thông tin liên quan các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội, giấy uỷ quyền, được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông. (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc hoặc được thông báo bằng các phương tiện của Công ty, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

7.3 Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

- a. Để tạo điều kiện thuận lợi Ban tổ chức chuẩn bị tốt các khâu phục vụ, từ tài liệu, chỗ ngồi, đến các phiếu biểu quyết,.. nhằm tổ chức Đại hội cổ đông đạt một kết quả cao nhất, tiết kiệm được chi phí, thời gian; Ban tổ chức Đại hội ngoài việc gửi Thông báo kèm theo là mẫu đăng ký tham dự Đại hội đến các cổ đông. Các cổ đông gửi đăng ký tham dự Đại hội về Ban tổ chức trước ngày họp ít nhất một (01) ngày làm việc. Nội dung đăng ký phải nêu rõ Tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu đến thời điểm chốt danh sách, địa chỉ, số điện thoại để tiện việc liên lạc khi cần thiết.
- b. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người uỷ quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

7.5 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất trong các trường hợp sau: Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng; vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

7.6 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

- a. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những người đại

diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng cổ phần có quyền biểu quyết.

- c. Trường hợp đại hội lần thứ hai không tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại mục b khoản này, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 8. Thể thức tiến hành họp tại Đại hội đồng cổ đông

- 8.1 Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 8.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp
- 8.3 Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 8.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp
- 8.5 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 8.6 Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

- 8.7 Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
- 8.8 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
- 8.9 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 8.10 Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
- Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
- 8.11. Trong Điều này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Điều 9. Thủ tục, cách thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- 9.1 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.
- 9.2 Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông được phát một “Thẻ biểu quyết” do Công ty phát hành trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- 9.3 Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.
- 9.4 Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, không tán thành, phiếu không có ý kiến và được Chủ tọa công bố ngay sau mỗi vấn đề tiến hành biểu quyết.

- 9.5 Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muôn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muôn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muôn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 10. Thủ tục bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông

- 10.1 Việc bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện bằng phiếu bầu cử.

10.2 Nguyên tắc bầu cử:

- a. Đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo dân chủ công bằng.
- b. Bầu cử trực tiếp theo hình thức bỏ phiếu kín.

- 10.3 Cách thức bầu cử: việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Những ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là những ứng cử viên:

- a. Đạt được số phiếu hợp lệ nhiều hơn tính theo thứ tự số phiếu đạt được từ cao xuống thấp đến tối đa số người trúng cử theo quy định;
- b. Trường hợp xác định số ứng cử viên đạt phiếu bầu cử hợp lệ theo nguyên tắc trên, theo thứ tự từ trên xuống nhiều hơn số tối đa theo quy định do có nhiều người cùng đạt số phiếu thấp nhất bằng nhau thì Đại hội đồng cổ đông quyết định bầu lại đối với riêng những người đó.

10.4 Thông báo kết quả bỏ phiếu:

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm phiếu cho cổ đông được biết.

Điều 11. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

- 11.1 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo ra công chúng theo quy định của Pháp luật vào từng thời điểm.

- a. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

- b. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
- c. Trừ trường hợp trên và việc bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 12. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông:

12 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 12.1 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 12.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- 12.3 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 12.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

- 13.1 Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ khi nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- 13.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
- 13.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - Mục đích lấy ý kiến.
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
 - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 13.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
- 13.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến từng vấn đề.
 - Các quyết định đã được thông qua.
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 13.6 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 13.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 13.8 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- a. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
- d. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
- e. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
- f. Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 15. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- e. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

Điều 16. Chi phí liên quan đến họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông cũng như lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản sẽ được Công ty chi trả. Các cổ đông khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải tự chịu các chi phí, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

CHƯƠNG III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Hội đồng quản trị

17.1 Hội đồng quản trị bao gồm các thành viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điều 18 của Quy chế này và được Đại hội đồng cổ đông bầu để quản lý Công ty.

17.2 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

17.3 Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

17.4 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.

17.5 Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp ngay sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc bổ nhiệm thành viên đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

17.6 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

17.7 Hội đồng quản trị xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở những quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm đề ra định hướng và chiến lược kinh doanh phát triển của toàn công ty trong năm và dài hạn để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; quản lý hoạt động của Ban điều hành theo đúng các quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

17.8 Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác theo nhu cầu từng thời kỳ. Việc thành lập và hoạt động của các Tiểu ban được thực hiện như sau:

- a. Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập các tiểu ban trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, Hội đồng quản trị có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các tiểu ban.
- b. Một tiểu ban phải có tối thiểu ba (03) thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị chỉ được làm Trưởng ban của một tiểu ban.
- c. Hội đồng quản trị, khi thành lập các tiểu ban, phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban.
- d. Sau khi được thành lập, Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của tiểu ban phù hợp với quy chế làm việc của tiểu ban do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 18. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- c. Không là thành viên Hội đồng quản trị của quá năm (05) công ty khác.

Điều 19. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Ngoài đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

Điều 20. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

- 20.1 Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ

30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

20.2 Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

20.3 Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên website Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

20.4 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc phân chia số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên.

20.5 Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 21. Quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

22.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Công ty, ngoài ra

phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.
- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
- d. Báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

22.2 Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 23. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, và các văn bản pháp luật liên quan, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

- a. Chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.
- b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- c. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
- d. Xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.
- e. Xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
- f. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông hằng năm.

Điều 24. Cuộc họp Hội đồng quản trị

24.1 Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được Quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp.

24.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp.

Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- 24.3 Hằng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 25. Người phụ trách quản trị công ty

- 25.1 Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

- 25.2 Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

- 25.3 Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

- 25.4 Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- b. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- c. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- d. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- e. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thù lao của Hội đồng quản trị

- 26.1 Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

- 26.2 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao

của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

- 26.3 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 26.4 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 27. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban kiểm soát trong quản trị Công ty

- 27.1 Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên.
- 27.2 Các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.
- 27.3 Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.
- 27.4 Ban kiểm soát là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được sử dụng các quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 27.5 Ban kiểm soát xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở những quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

28.1 Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty;
- d. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên nhưng không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- e. Không được là thành viên và nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong (03) năm liền trước đó.
- f. Thường trú tại Việt Nam.

28.2 Tiêu chuẩn Trưởng Ban kiểm soát:

Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 29. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

29.1 Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

29.2 Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

29.3 Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên website Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các Công ty mà ứng viên hiện đang làm việc;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

Các ứng viên Ban kiểm soát có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

29.4 Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc phân chia số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên.

29.5 Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 30. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát

30.1 Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.

30.2 Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

31.1 Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và cổ đông;
- d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo Điều 15 Quy chế này.

31.2 Ban kiểm soát họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

31.3 Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban tổng giám đốc, thành viên Kiểm toán nội bộ và thành viên Kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

31.4 Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

Điều 32. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Ban kiểm soát

32.1 Ban kiểm soát họp định kỳ mỗi quý một lần vào ngày thích hợp do Trưởng ban kiểm soát quyết định.

32.2 Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát có thể được Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp vào bất kỳ lúc nào theo đề nghị của:

- a. Ít nhất hai thành viên của Ban Kiểm soát;
- b. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng.

Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát phải được tiến hành trong vòng bảy (07) ngày sau khi nhận được đề nghị.

32.3 Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu ba (03) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban kiểm soát.

32.4 Biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát

- a. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát có một (01) phiếu biểu quyết.
- b. Kết luận của Ban Kiểm soát được thông qua khi có đa số phiếu biểu quyết.
- c. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của nhiều người có chuyên môn kế toán, kiểm toán hơn.
- d. Chỉ có thành viên Ban Kiểm soát hoặc người được thành viên Ban Kiểm soát uỷ quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thỉnh, khách mời không được biểu quyết.

Điều 33. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty và cho các cổ đông.

CHƯƠNG V

BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 34. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban điều hành trong quản trị Công ty

34.1 Ban điều hành gồm có Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

34.2 Ban điều hành có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của Công ty theo chính sách, định hướng được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra

trong từng thời kỳ; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- 34.3 Phó Tổng giám đốc là người giúp việc của Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công của Tổng giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước Pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công.
- 34.4 Tổng giám đốc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế làm việc của Ban điều hành/Quy chế hoạt động của Tổng giám đốc phù hợp với quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và quy định tại Quy chế này.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban điều hành

- 35.1 Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- 35.2 Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc không được đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc) của doanh nghiệp khác.

Điều 36. Trình tự và thủ tục lựa chọn, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành

- 36.1 Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân sự của Hội đồng quản trị.
- 36.2 Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm các Phó tổng giám đốc trên cơ sở ý kiến đề xuất của Tổng giám đốc và đánh giá của Ủy ban nhân sự của Hội đồng quản trị.
- 36.3 Trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, Hội đồng quản trị có quyền ra quyết định miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban điều hành.

Điều 37. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc

- 37.1 Quyết định, chỉ đạo của Tổng giám đốc
- Căn cứ tình hình thực tế và trong phạm vi quyền hạn được Hội đồng quản trị phân cấp, Tổng giám đốc được toàn quyền ra các quyết định hoặc chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty không ngừng phát triển bền vững theo đúng định hướng, chiến lược được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua trong từng thời kỳ.
 - Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc có tính hiệu quả cao nhất đối với mọi cán bộ trong Công ty, trừ các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.
 - Các Phó tổng giám đốc và Người quản lý khác của Công ty có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc.
- 37.2 Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó tổng giám đốc
- Căn cứ tình hình thực tế và trong phạm vi quyền hạn được Tổng giám đốc phân cấp, Phó tổng giám đốc được quyền thay mặt Tổng giám đốc ra các quyết định, chỉ đạo

điều hành nhằm đảm bảo mảng việc mà mình được Tổng giám đốc phân công phụ trách phát triển có hiệu quả và phù hợp với định hướng, mục tiêu hoạt động chung của Công ty trong từng thời kỳ.

- b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó tổng giám đốc có giá trị hiệu lực đối với Người quản lý khác và các cá nhân có liên quan trong Công ty tương tự như quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc.
- c. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc được quyền ra quyết định chỉ đạo điều hành phủ định nội dung quyết định, chỉ đạo điều hành do các Phó tổng giám đốc ban hành.

37.3 Báo cáo

- a. Tổng giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị định kỳ và khi yêu cầu theo quy định trong từng thời kỳ.
- b. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc có liên quan đến các mảng lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ mới đều phải được gửi một (01) bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
- c. Các Phó tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi nghiệp vụ được phân công.

CHƯƠNG VI NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 38. Người quản lý khác của Công ty và vai trò trong quản trị Công ty

- 38.1 Người quản lý khác của Công ty là người đứng đầu một bộ phận/đơn vị trong bộ máy tổ chức của Công ty, bao gồm: Kế toán trưởng, Giám đốc điều hành, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm và phê chuẩn từ chức danh Trưởng các phòng ban Công ty và Giám đốc các đơn vị thành viên, đại diện quản lý phần vốn của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết trở lên;
- 38.2 Người quản lý khác của Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định mức lương, lợi ích khác theo đề nghị của Tổng giám đốc và/hoặc Tiểu ban nhân sự của Hội đồng quản trị.
- 38.3 Người quản lý khác của Công ty có nhiệm vụ quản lý, điều hành các hoạt động của bộ phận/đơn vị do mình phụ trách theo sự phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc và có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và quyết định, chỉ đạo của Tổng giám đốc.

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người quản lý khác của Công ty

- 39.1 Người quản lý khác của Công ty phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự.
 - b. Có năng lực chuyên môn và có khả năng điều hành.
 - c. Được tín nhiệm trong cương vị công tác.

- d. Không thuộc đối tượng không được làm cán bộ quản lý lĩnh vực mà mình sẽ đảm nhiệm theo quy định của Pháp luật.
 - e. Có bằng đại học trở lên về một trong các lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.
 - f. Phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
 - g. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết luật pháp.
- 39.2 Trong trường hợp đặc biệt, Hội đồng quản trị dựa trên các tiêu chuẩn nêu trên để tuyển người có năng lực, trình độ vào làm Người quản lý khác của Công ty.

Điều 40. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người quản lý khác của Công ty

- 40.1 Hội đồng quản trị ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Người quản lý khác của Công ty trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc và/hoặc Tiểu ban nhân sự của Hội đồng quản trị.
- 40.2 Trong trường hợp Tổng giám đốc không đề xuất hoặc có đề xuất, nhưng xét thấy cần thiết và phục vụ cho lợi ích chung của Công ty, Hội đồng quản trị có quyền xem xét và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người quản lý khác của Công ty.
- 40.3 Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người quản lý khác của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 41. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của Công ty;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật và Công ty;
- Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành và Người quản lý Công ty

- 42.1 Phối hợp trong làm việc và phát triển mối quan hệ với cơ quan cấp trên, các ban ngành liên quan, đối tác khách hàng lớn, báo chí...
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện thay mặt Công ty trong các buổi làm việc hoặc tổ chức sự kiện với lãnh đạo của cơ quan cấp trên, với các ban ngành có liên quan, với các đối tác kinh doanh hoặc khách hàng lớn quan trọng, với báo chí (trừ công bố thông tin theo Quy chế công bố thông tin của Công ty)... Trường hợp không tham dự được, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc một thành viên trong Ban điều hành thực hiện. Trường hợp

được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, sau khi tham dự, người được ủy quyền phải báo cáo lại để Chủ tịch Hội đồng quản trị nắm bắt đầy đủ nội dung.

- b. Tại các buổi làm việc hoặc tiếp khách quan trọng, người chủ trì quyết định các thành phần khác cùng tham dự, bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành hoặc thành viên Ban kiểm soát được phân công theo dõi mảng việc có liên quan.
- c. Các phòng/ban có liên quan chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung và lo hậu cần cho buổi làm việc hoặc tiếp khách theo chỉ đạo của người chủ trì.

42.2 Phối hợp trong triển khai các nhiệm vụ được giao:

- a. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thêm các Phó tổng giám đốc hoặc Người quản lý khác của Công ty phụ trách mảng việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến (nếu có).
- b. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên Ban điều hành chủ trì, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
- c. Ban điều hành và Người quản lý khác của Công ty thực hiện báo cáo định kỳ hoặc khi có yêu cầu theo quy định của Công ty đầy đủ và đúng thời hạn.
- d. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và các Người quản lý khác của Công ty cần báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp theo dõi mảng việc đó.

42.3 Phối hợp khác

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc, Người quản lý khác của Công ty tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Công ty. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc và Người quản lý khác của Công ty không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- 43.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.
- 43.2 Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 43.3 Hội đồng quản trị bảo đảm rằng tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội

đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 44. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành và Người quản lý khác của Công ty

44.1 Phối hợp trong triển khai công việc được giao

- a. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành và Người quản lý khác có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Ban điều hành và Người quản lý khác Công ty gửi cho Ban kiểm soát một (01) biên bản này.
- b. Ban điều hành và Người quản lý khác của Công ty, Trưởng phòng/ban Công ty thực hiện báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát.
- c. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban điều hành và Người quản lý khác của Công ty cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó.
- d. Ban điều hành và Người quản lý khác của Công ty chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

44.2 Phối hợp khác

Tổng giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Ban kiểm soát tham gia các khóa học nghiệp vụ về kế toán, kiểm toán, quản lý nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và quản trị công ty. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Ban kiểm soát không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

CHƯƠNG VIII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, cán bộ quản lý khác

- 45.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- 45.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 45.3 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa

Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

- 45.4 Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 45.5 Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 45.6 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 46. Giao dịch với người có liên quan

- 46.1 Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.
- 46.2 Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công ty.
- 46.3 Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

Điều 47. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

- 47.1 Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
- 47.2 Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.
- 47.3 Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp:

- a. Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - b. Trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 47.4 Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không được thực hiện giao dịch sau:
- a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
 - b. Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.
- 47.5 Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 48. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

- 48.1 Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- 48.2 Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:
- a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;
 - b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Ban kiểm soát.
 - c. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội.

CHƯƠNG IX

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Nghĩa vụ công bố thông tin

- 49.1 Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
- 49.2 Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 50. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty

- 50.1 Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.
- 50.2 Trong trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 51. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty

- 51.1 Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:
- a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - b. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành;
 - d. Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị;
 - e. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;
 - f. Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban tổng giám đốc và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên;
 - h. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị Công ty;
 - i. Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.

51.2 Khi công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 52. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc

Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 53. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 45 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

- a. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời hạn 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- b. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

Điều 54. Tổ chức công bố thông tin

54.1 Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:

- a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
- b. Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin.

54.2 Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:

- a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
- b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
- c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định;
- d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG X

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 55. Đào tạo về quản trị Công ty

55.1 Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Thư ký Công ty cần tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị Công ty do các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

- 55.2 Cán bộ quản lý của Công ty được đào tạo, tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn về thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XI

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC

Điều 56. Xử lý vi phạm

- 56.1 Khi thấy bất kỳ cán bộ, nhân viên nào của Công ty (bao gồm cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát.

Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Người quản lý khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

- 56.2 Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và/hoặc Công ty. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho Công ty, người vi phạm còn phải bồi thường thiệt hại cho Công ty theo quy định.

Điều 57. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

- 57.1 Quy chế này có 11 chương và 57 điều.

- 57.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng các điều chỉnh hoạt động của Công ty.

- 57.3 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- 57.4 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- 57.5 Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Người quản lý khác và các cán bộ, nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Đà Nẵng, ngày.....tháng 04 năm 2018

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN HỮU SIA

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	2
<i>Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh.....</i>	<i>2</i>
<i>Điều 2. Giải thích từ ngữ</i>	<i>2</i>
CHƯƠNG II - CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
<i>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</i>	<i>3</i>
<i>Điều 4. Điều lệ Công ty</i>	<i>4</i>
<i>Điều 5. Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>4</i>
<i>Điều 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>4</i>
<i>Điều 7. Thủ tục và trình tự tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường</i>	<i>5</i>
<i>Điều 8. Thể thức tiến hành họp tại Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>7</i>
<i>Điều 9. Thủ tục, cách thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>8</i>
<i>Điều 10. Thủ tục bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông.....</i>	<i>9</i>
<i>Điều 11. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</i>	<i>9</i>
<i>Điều 12. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông:</i>	<i>10</i>
<i>Điều 13. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</i>	<i>11</i>
<i>Điều 14. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>12</i>
<i>Điều 15. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông</i>	<i>12</i>
<i>Điều 16. Chi phí liên quan đến họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....</i>	<i>13</i>
CHƯƠNG III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	13
<i>Điều 18. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....</i>	<i>14</i>
<i>Điều 19. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị độc lập</i>	<i>14</i>
<i>Điều 20. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....</i>	<i>14</i>
<i>Điều 21. Quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị</i>	<i>15</i>
<i>Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....</i>	<i>15</i>
<i>Điều 23. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</i>	<i>16</i>
<i>Điều 24. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....</i>	<i>16</i>
<i>Điều 25. Người phụ trách quản trị công ty.....</i>	<i>17</i>
<i>Điều 26. Thù lao của Hội đồng quản trị</i>	<i>17</i>
CHƯƠNG IV - BAN KIỂM SOÁT	18
<i>Điều 27. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban kiểm soát trong quản trị Công ty.....</i>	<i>18</i>
<i>Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.....</i>	<i>18</i>
<i>Điều 29. Trình tự và thủ tục đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....</i>	<i>19</i>
<i>Điều 30. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát</i>	<i>20</i>
<i>Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</i>	<i>20</i>
<i>Điều 32. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Ban kiểm soát</i>	<i>21</i>

Điều 33. Thù lao của Ban kiểm soát	21
CHƯƠNG V - BAN ĐIỀU HÀNH.....	21
Điều 34. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban điều hành trong quản trị Công ty	21
Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban điều hành.....	22
Điều 36. Trình tự và thủ tục lựa chọn, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành.....	22
Điều 37. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc.....	22
Điều 38. Người quản lý khác của Công ty và vai trò trong quản trị Công ty.....	23
Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người quản lý khác của Công ty.....	23
Điều 40. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người quản lý khác của Công ty.....	24
CHƯƠNG VII - PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	24
Điều 41. Nguyên tắc phối hợp	24
Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành và Người quản lý Công ty.....	24
Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	25
Điều 44. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành và Người quản lý khác của Công ty.....	26
CHƯƠNG VIII - NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY	26
Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, cán bộ quản lý khác.....	26
Điều 46. Giao dịch với người có liên quan.....	27
Điều 47. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này.....	27
Điều 48. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty	28
CHƯƠNG IX - BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	29
Điều 49. Nghĩa vụ công bố thông tin	29
Điều 50. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty	29
Điều 51. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty.....	29
Điều 52. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc.....	30
Điều 53. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc	30
Điều 54. Tổ chức công bố thông tin.....	30
CHƯƠNG X - ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	30
Điều 55. Đào tạo về quản trị Công ty.....	30
CHƯƠNG XI - XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC.....	31
Điều 56. Xử lý vi phạm.....	31
Điều 57. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung.....	31